

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung và điều chỉnh dự toán
chi ngân sách năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-VPUBND ngày 29/8/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giao bổ sung và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao bổ sung và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này. /na

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC (Tân).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Phi Đa

Đơn vị: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Chương: 405

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-VPUBND ngày 11/9/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
1	2	3 =4+5+6	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.605,603	7.784,822	497,119	1.323,662
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.605,603	7.784,822	497,119	1.323,662
1	Chi quản lý hành chính (loại 340 khoản 341)	9.108,484	7.784,822	0,000	1.323,662
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-409,546	-358,581,		-50,965
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.518,030	8143,403		1.374,627
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				

na

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	497,119		497,119	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-17,166		-17,166	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (loại 280 khoản 314)	514,285		514,285	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	tân				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				

nd

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đơn vị Trung tâm tin học và công báo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

na